

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 08/2023/DSST

Ngày: 14-02-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Công Hạnh và bà Mai Thị Ngọc Tuyết.

Thư ký phiên tòa: ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hải Yên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2022/TLST-DS ngày 12/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố ..., phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố ..., phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Ngày 11/09/2014 (âm lịch) tức ngày 04/10/2014 (dương lịch) bà Nguyễn Thị Mỹ T có mượn ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay 4%/tháng, hẹn trong 03 tháng trả nợ. Tuy nhiên từ đó cho đến nay bà T không trả nợ gốc và nợ lãi cho ông Đ. Nhiều lần ông Đ yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả, do đó ông Đ khởi kiện và yêu cầu Tòa buộc bà T phải trả số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị

HĐXX áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Về lãi, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 10.000.000 đồng về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại khu phố 6, phường Phú Đông, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về nợ gốc: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trả số tiền vay còn nợ 10.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị Mỹ T ký xác nhận. Căn cứ vào giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung ngày 11/09/2014 (âm lịch) tức ngày 04/10/2014 (dương lịch) bà Nguyễn Thị Mỹ T có mượn ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền 10.000.000 đồng và hẹn trong 03 tháng trả nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất vay 4%/tháng. Như vậy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Sau khi vay tiền cho đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho ông Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn ông Đ số tiền 10.000.000 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn ông Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về áp dụng pháp luật: Xét thấy thời điểm các bên tham gia ký kết hợp đồng vay tài sản là trước năm 2017 (thời điểm bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật) nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007644 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.Tuy Hoà;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang